

Thứ tư, ngày 21 tháng 8 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tiếp đà hưng phấn

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 22/8/2019		•	
Tuần 19/8-23/8/2019		•	
Tháng 8/2019		•	

Nhận định:

Thị trường: Mặc dù có sự giằng co khi mở cửa phiên sáng, VN-Index nhanh chóng lấy lại sắc xanh và mở rộng biên độ tăng nhờ sự bứt phá của các bluechips ngành Ngân hàng và Dầu khí như VCB, BID, GAS. Trong phiên chiều, đà tăng được củng cố và chỉ số chinh phục thành công ngưỡng 990 điểm nhờ sức bật ấn tượng của VCB. VN-Index có phiên tăng điểm thứ 6 liên tiếp cùng với thanh khoản cải thiện tích cực cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn duy trì ở mức khả quan. Bên cạnh đó, thị trường cũng được nâng đỡ bởi động thái quay đầu mua ròng của khối ngoại. **Trong điều kiện thuận lợi, VN-Index có thể sẽ tiến tới kiểm tra lại ngưỡng kháng cự mạnh 1000 điểm trong tuần này.**

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo đà tăng của chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 21/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng. MBB đang tích lũy quanh ngưỡng kháng cự 22.5. Thanh khoản và các chỉ báo kỹ thuật cùng cho thấy các tín hiệu tăng giá tích cực trong ngắn hạn, và sẽ tạo động lực tăng của nhóm chứng quyền này trong các phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Dầu khí +2.1%. Có tới 9/14 danh mục chủ đề có hiệu suất khả quan trong ngày hôm nay. Đặc biệt danh mục Dầu khí có hiệu suất ấn tượng nhất **+2.1%**, con số này của VNINDEX là **+1.0%**. Nhóm cổ phiếu dầu khí đang có nhiều thông tin tích cực hỗ trợ trong ngắn hạn. Ở chiều ngược lại, danh mục Chiến tranh thương mại giảm **-1.1%** trong ngày; tuy nhiên danh mục vẫn có hiệu suất khả quan trong dài hạn.

Phân tích kỹ thuật: HCM_Hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+9.71 điểm**, đóng cửa 994.38. HNX-Index **+0.03 điểm**, đóng cửa 103.01.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+3.50); VIC (+1.39); GAS (+1.26); BID (+1.08); VHM (+0.59).**
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-0.25); FPT (-0.07); HNG (-0.06); DHG (-0.04); IJC (-0.03).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,292.68 tỷ đồng**, **+17.9%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 12.14 điểm. Thị trường có 138 mã tăng và 164 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **113.35 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm CMG (202.95 tỷ), CTI (25.44 tỷ) và MSN (15.84 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **59.09 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX **994.38**Giá trị: 3292.68 tỷ **9.71 (0.99%)**

Khối ngoại (ròng): 113.35 tỷ

HNX-INDEX **103.01**Giá trị: 417.29 tỷ **0.03 (0.03%)**

Khối ngoại (ròng): -59.09 tỷ

UPCOM-INDEX **57.84**Giá trị: 374.97 tỷ **0.12 (0.21%)**

Khối ngoại(ròng): 4.65 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.3	0.30%
Giá vàng	1,499	-0.55%
Tỷ giá USD/VND	23,202	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,735	0.07%
Tỷ giá JPY/VND	21,780	-0.29%
LS liên NH 1 tháng	3.3%	5.01%
LS TPCP 5 năm	3.6%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CMG	203.0	VJC	56.2
CTI	25.4	VRE	40.2
MSN	15.8	HPG	27.0
VIC	13.6	VHC	13.4
VHM	12.4	VNM	10.8

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



- ♦ Bạn không có thời gian để đầu tư
- ♦ Bạn bận khoăn với biến động thị trường
- ♦ Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Có tới 9/14 danh mục chủ đề có hiệu suất **khả quan** trong ngày hôm nay. Đặc biệt danh mục **Dầu khí** có hiệu suất ấn tượng nhất **2.1%**, con số này của **VNINDEX** là **1.0%**. Nhóm cổ phiếu dầu khí đang có nhiều thông tin tích cực hỗ trợ trong ngắn hạn. Ở chiều ngược lại, danh mục **Chiến tranh thương mại** giảm **-1.1%** trong ngày; tuy nhiên danh mục vẫn có hiệu suất **khả quan** trong dài hạn.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_2.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Dầu khí	2.1%	3.2%	0.1%	-4.5%	7.0%	8.4%	14.3%
Ngân hàng	1.5%	3.9%	1.9%	5.9%	3.6%	-1.4%	74.2%
Xây dựng	1.0%	2.7%	-0.7%	-4.4%	-4.2%	-9.9%	30.6%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.9%	2.0%	0.9%	-2.3%	1.0%	-1.1%	1.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.8%	3.1%	1.5%	-0.9%	-3.1%	3.1%	90.2%
Vật liệu Xây dựng	0.8%	1.7%	2.9%	2.0%	6.9%	13.8%	15.4%
Nước & Năng lượng	0.6%	3.1%	-0.4%	-1.9%	3.7%	16.0%	62.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.5%	2.8%	3.4%	4.0%	1.5%	4.5%	75.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.1%	2.0%	-2.3%	-4.1%	-3.5%	-1.8%	52.4%
Hàng tiêu dùng	-0.1%	1.1%	4.4%	3.7%	6.6%	9.3%	63.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.1%	1.8%	5.2%	6.9%	6.9%	5.4%	76.0%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.3%	2.1%	-0.4%	-1.3%	7.6%	22.9%	59.0%
BDS & Khu công nghiệp	-0.6%	1.9%	2.4%	3.9%	4.4%	9.8%	60.8%
Chiến tranh thương mại	-1.1%	0.6%	-2.1%	-2.0%	0.6%	12.7%	12.9%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 18	0.9%	2.1%	2.4%	-2.7%	3.8%	11.5%	107.0%
Danh mục 10	0.9%	2.9%	2.9%	5.3%	6.3%	5.3%	54.9%
Danh mục 14	0.7%	3.2%	3.8%	0.4%	4.0%	4.9%	43.2%
Danh mục 13	0.0%	2.4%	0.1%	-0.1%	-2.1%	2.5%	29.3%
Danh mục 9	-0.1%	3.0%	4.2%	3.2%	7.4%	9.8%	60.4%
* Note	Hôm nay có 15/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày khả quan						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 24	1.2%	3.0%	2.5%	7.5%	9.4%	7.6%	65.7%
Danh mục 22	0.8%	2.8%	4.7%	7.7%	10.0%	3.4%	66.9%
Danh mục 19	0.6%	2.9%	3.9%	5.6%	7.4%	10.8%	58.3%
Danh mục 23	-0.1%	1.9%	4.3%	-0.5%	2.1%	14.4%	130.4%
Danh mục 25	-0.2%	2.5%	4.7%	7.9%	16.8%	41.8%	200.5%
* Note	Hôm nay có 5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày khả quan						

INDEX							
VNINDEX	1.0%	2.6%	1.3%	1.2%	0.6%	1.5%	50.1%
VN30INDEX	0.7%	2.3%	2.4%	0.6%	-3.1%	-5.7%	37.6%

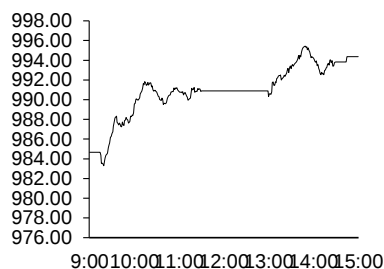
*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Hình 1

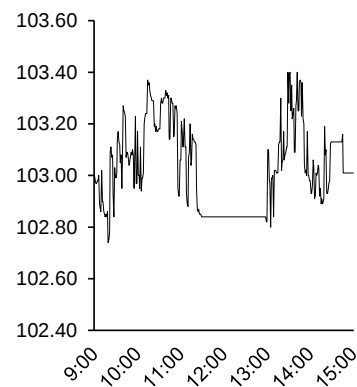
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Công nghệ Thông tin	-0.6%
Y tế	-0.6%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.4%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.3%
Hóa chất	-0.2%
Xây dựng và Vật liệu	0.0%
Ô tô và phụ tùng	0.1%
Bán lẻ	0.1%
Thực phẩm và đồ uống	0.1%
Truyền thông	0.2%
Dịch vụ tài chính	0.5%
Du lịch và Giải trí	0.6%
Bảo hiểm	0.7%
Bất động sản	0.7%
Dầu khí	1.0%
Tài nguyên Cơ bản	1.1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.8%
Ngân hàng	2.2%

Nguồn: FiinPro

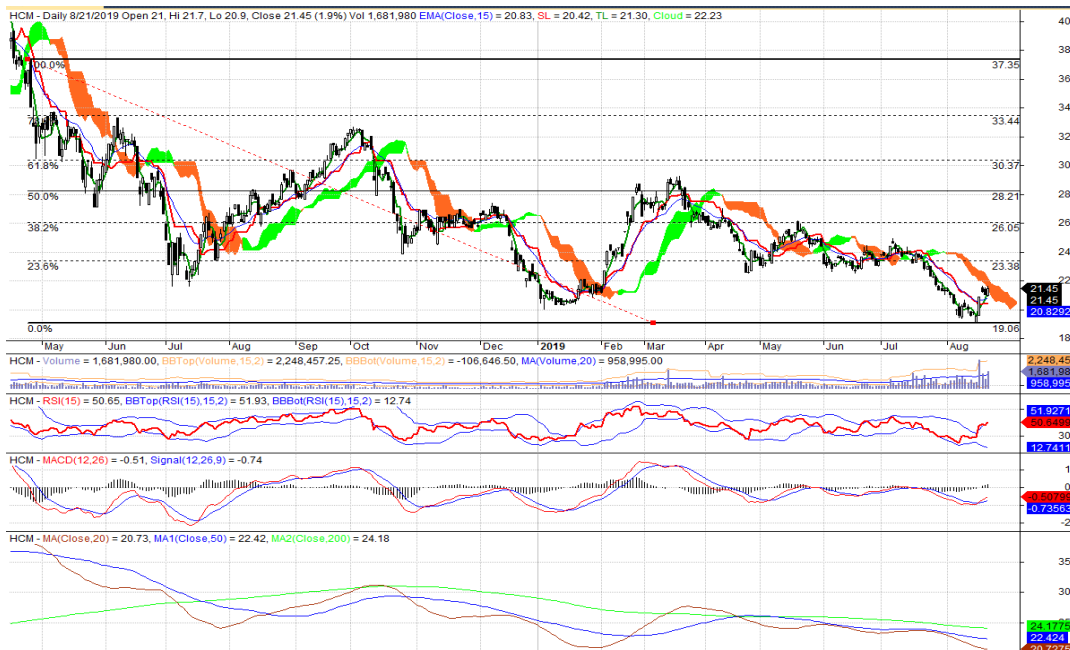
Phân tích kỹ thuật

HCM_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.
- Đường MAs: Xu hướng giảm của 3 đường MA đang chậm lại.

Nhận định: Cổ phiếu HCM đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi chạm đáy tại ngưỡng giá 19. Thanh khoản cổ phiếu đang nằm ở ngưỡng trung bình 20 phiên, cho thấy động lực tăng giá khá mạnh. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều cho thấy tín hiệu tăng giá tích cực. Đường giá cổ phiếu đã chạm vào dải mây ichomoku báo hiệu một xu hướng tăng trong trung hạn. Như vậy, HCM sẽ tăng trở lại vùng ngưỡng giá 24 trong các phiên giao dịch tới.



Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 20/08/2019

*Mặt hàng	DVT	Sáng 20/08	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	56.18	-0.02%	2.08%	-0.24%	-15.59%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	60.17	0.69%	1.83%	-5.87%	-17.41%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.69	1.20%	-0.37%	-9.24%	-17.67%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1505.60	0.75%	-1.04%	4.96%	25.65%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.13	1.60%	-0.96%	3.38%	14.81%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	854.52	0.15%	-1.00%	-3.99%	-3.28%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	459.44	-1.24%	-2.24%	-5.35%	-14.95%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.62	0.00%	0.06%	1.21%	17.31%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	172.50	0.12%	-9.21%	-24.74%	6.22%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	US cent/lb	11.43	-0.35%	-0.78%	-0.78%	13.68%	SBT, LSS, SLS, QNS,	VNM, GTN, QNS
Chè	USD/kg	2.75	0.00%	0.00%	30.95%	-15.12%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	91.75	0.66%	-2.77%	-13.27%	-6.27%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.57	-0.98%	0.61%	-4.38%	-2.55%	MSN, ACM, BGM	CAV. SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/ton	3790.00	0.37%	0.29%	-6.70%	-16.92%	HSG, HPG, NKG	PC1. CTD, HBC
Nhôm	USD/ton	1792.00	0.56%	1.19%	-2.98%	-12.80%		CAV. SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	USD/ton	92.00	0.00%	-2.13%	-24.90%	34.31%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Than đá	USD/ton	68.65	0.88%	-4.45%	-8.99%	-35.54%	HSG, HPG, NKG	HSG, HPG, NKG

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 10/2019 đóng cửa ngày 20/08 tăng 0.29 USD hay 0.5% lên 60.03 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 09/2019 tăng 0.13 USD lên 56.34 USD/thùng.
- Giá dầu tăng nhẹ do lạc quan về căng thẳng thương mại Mỹ - Trung sẽ dịu đi và hy vọng các nền kinh tế lớn sẽ thực hiện các biện pháp kích thích để tránh khả năng suy giảm kinh tế, sau khi giảm trong đầu phiên do lo ngại về nhu cầu tương lai. Tuy nhiên, giá dầu WTI đã quay trở lại giảm sau phiên giao dịch khi Tổng thống Mỹ Donald Trump cho biết ông chưa sẵn sàng thực hiện một thỏa thuận thương mại với Trung Quốc.
- Lo ngại về nhu cầu dầu tổng thể tiếp tục gây sức ép lên giá dầu. Các thị trường chứng khoán trên thế giới tăng do dự đoán các nền kinh tế lớn sẽ hành động chống lại tăng trưởng đang chậm lại.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.7% lên 1,505.68 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2019 của Mỹ tăng 0.3% lên 1,515.7 USD/ounce.
- Giá vàng bật tăng trở lại trên ngưỡng 1.500 USD/ounce do lợi suất trái phiếu Mỹ giảm bởi gia tăng dự đoán chính sách nới lỏng tiền tệ hơn nữa để giải quyết lo ngại về suy giảm toàn cầu.

Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đóng cửa giảm 2.2% xuống 609 CNY (86.25 USD)/tấn, mức đóng cửa thấp nhất kể từ ngày 11/6.
- Giá quặng sắt Trung Quốc giảm phiên thứ 4 liên tiếp do lo lắng về nguồn cung dịu đi, trong khi gia tăng việc hạn chế sản xuất tại Đường Sơn, thành phố sản xuất thép hàng đầu Trung Quốc.

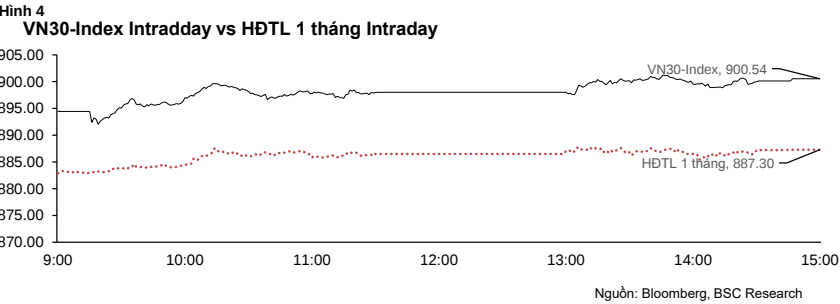
Giá nông sản

- Giá cà phê arabica giao tháng 12/2019 đã g tăng 0.45 US cent hay 0.5% lên 95.25 US cent/lb. Giá cà phê Robusta giao tháng 11/2019 đã tăng 5 USD hay 0.4% lên 1,324 USD/tấn. Chỉ số đồng USD tăng do lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ tăng nhẹ. Sự tăng giá của USD không tốt cho đồng real đã ở mức thấp 3 tháng so với USD và đã mất 8% trong tháng qua. Đồng real yếu dễ gây tổn thương cho thị trường trong ngắn hạn.
- Đường thô kỳ hạn tháng 10/2019 giảm 0.03 US cent hay 0.3% xuống 11.44 US cent/lb. Thị trường này đã giao dịch trong biên độ nhỏ những phiên gần đây, kẹt giữa những dấu hiệu nguồn cung dư thừa trong ngắn hạn và dự báo trong dài hạn thị trường sẽ chuyển thành thiếu hụt.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su ngày 19/08/2019 kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 1.9 JPY xuống 171 JPY/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 1/2020 tăng 15 CNY (2.12 USD) lên 11,565 CNY/tấn. Cao su kỳ hạn trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) tiếp tục giảm từ đầu phiên giao dịch do các nhà sản xuất lớn kết thúc việc hạn chế xuất khẩu.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 3
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1909	887.30	0.57%	-13.24	24.4%	82587	9/19/2019	31
VN30F1910	884.90	0.44%	-15.64	96.1%	402	10/17/2019	59
VN30F1912	885.50	0.50%	-15.04	86.2%	121	12/19/2019	122
VN30F2003	883.40	0.49%	-17.14	150.0%	25	3/19/2020	213

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 6.09 điểm lên mức 900.54 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VCB, VIC, HPG, MBB, và VPB tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 có phiên tăng điểm tích cực, và kết thúc phiên quanh ngưỡng tâm lý 900 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cho thấy xu hướng tăng ngắn hạn. Thanh khoản cũng đang khá tích cực, hỗ trợ đà tăng của chỉ số. Nếu vượt qua ngưỡng kháng cự 905 điểm trong các phiên sắp tới, chỉ số có thể hướng tới ngưỡng kháng cự tiếp theo quanh 930 điểm.
- Các HDTL đều tăng theo đà tăng của chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F1909 và VN30F1912 đang tăng, trong khi VN30F1910 và VN30F2003 đang giảm. Xét về vị thế mở, VN30F1909 và VN30F1910 đang giảm, trong khi VN30F1912 và VN30F2003 đang tăng. Điều này phản ánh kỳ vọng tăng giá không mấy tích cực trong ngắn hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	Kl giao dịch	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn
CMWG1902	VND	12/11/2019	112	4:1	17,370	494.9%	2,400,000	20.87%
CMWG1904	SSI	12/30/2019	131	1:1	51,630	-20.0%	1,000,000	20.87%
CMBB1902	HSC	12/17/2019	118	1:1	62,580	65.4%	1,000,000	21.30%
CFPT1902	SSI	9/30/2019	40	1:1	49,000	-40.5%	1,000,000	18.93%
CMBB1901	SSI	9/28/2019	38	1:1	283,960	27.4%	3,000,000	21.30%
CMWG1901	BSC	9/9/2019	19	4:1	95,090	25.8%	1,000,000	20.87%
CFPT1903	SSI	12/30/2019	131	1:1	26,360	45.7%	2,000,000	18.93%
CFPT1901	VND	9/11/2019	21	2:1	154,710	0.7%	2,000,000	18.93%
CMWG1903	HSC	12/30/2019	131	5:1	115,660	-1.0%	2,000,000	20.87%
CHPG1905	SSI	12/30/2019	131	1:1	33,000	50.5%	1,000,000	29.96%
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	22	2:1	54,110	-11.6%	1,500,000	29.96%
CHPG1901	MBS	9/10/2019	20	2:1	130,470	30.3%	2,000,000	29.96%
CHPG1904	SSI	9/30/2019	40	1:1	57,460	16.0%	1,000,000	29.96%
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	20	5:1	47,110	1.6%	1,000,000	22.75%
CVNM1901	KIS	12/13/2019	114	10:1	508,890	123.9%	5,000,000	22.20%
CHPG1902	KIS	12/11/2019	112	5:1	98,760	-62.3%	3,000,000	29.96%

Chú thích:

- * Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ** Tỷ lệ chuyển đổi

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 21/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng.
- CMBB1902 tăng giá nhiều nhất 8.06%. Trong khi đó, CHPG1903 giảm giá nhiều nhất 9.09%. Thanh khoản thị trường tăng 15.73%, CVNM1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 28% thị trường.
- Các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. Nhóm chứng quyền có cổ phiếu cơ sở MWG tiếp tục là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh lời. MBB đang tích lũy quanh ngưỡng kháng cự 22.5. Thanh khoản và các chỉ báo kỹ thuật cùng cho thấy các tín hiệu tăng giá tích cực trong ngắn hạn, và sẽ tạo động lực tăng của nhóm chứng quyền này trong các phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 1
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VCB	80.00	4.03	1.28
VIC	122.40	1.16	0.82
HPG	23.20	1.31	0.69
MBB	22.50	1.58	0.62
VPB	19.75	1.28	0.60

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	123.9	-0.40	-0.35
FPT	53.6	-0.74	-0.30
GMD	28.7	-1.21	-0.13
STB	10.3	-0.49	-0.12
PNJ	85.6	-0.23	-0.05

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
3,200	3,620	8.06%	1,656
3,800	9,400	4.79%	7,845
1,000	530	3.92%	0
6,000	13,440	2.60%	8,542
2,000	8,240	2.36%	8,055
2,990	9,190	2.11%	7,904
2,700	6,300	1.61%	5,391
14,000	36,890	1.35%	31,851
1,900	4,730	0.64%	4,361
1,700	2,760	0.00%	1,421
3,300	3,900	-0.26%	1,898
1,900	2,750	-0.36%	1,997
1,200	1,000	-5.66%	420
1,200	830	-5.68%	20
2,200	2,350	-6.00%	1,027
1,500	800	-9.09%	357

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1901	96,300	88,300	120,300
CHPG1901	47,999	22,900	23,200
CHPG1902	168,888	41,999	23,200
CHPG1903	22,100	23,200	23,200
CMBB1901	23,700	20,600	22,500
CMBB1902	26,300	21,800	22,500
CMWG1902	48,130	90,000	120,300
CPNJ1901	26,300	77,981	85,600
CVNM1901	46,340	158,888	123,900
CFPT1902	96,981	45,140	53,600
CFPT1903	56,154	45,140	53,600
CHPG1904	98,800	23,100	23,200
CHPG1905	93,300	23,100	23,200
CMWG1903	25,800	95,000	120,300
CMWG1904	165,000	90,000	120,300
CFPT1901	27,000	44,154	53,600

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	120.3	0.3%	0.7	2,315	4.3	7,893	15.2	5.1	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	85.6	-0.2%	1.0	829	3.3	4,727	18.1	4.7	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	77.8	1.0%	1.3	2,371	0.3	1,503	51.8	3.6	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	39.4	-0.3%	0.7	396	0.7	3,061	12.9	1.4	51.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	122.4	1.2%	1.1	17,806	1.3	1,673	73.2	5.0	15.0%	8.2%
VRE	Bất động sản	35.9	0.8%	1.1	3,635	3.5	1,033	34.8	2.9	32.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	63.0	0.0%	0.8	2,549	1.2	3,579	17.6	2.9	7.1%	17.8%
REE	Bất động sản	37.2	0.5%	1.0	501	2.0	5,261	7.1	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	14.0	-1.4%	1.4	317	0.5	2,944	4.8	1.1	47.3%	27.0%
SSI	Chứng khoán	22.5	1.8%	1.3	498	2.2	1,997	11.3	1.2	58.3%	10.9%
VCI	Chứng khoán	35.0	-1.1%	1.0	250	0.0	5,067	6.9	1.6	37.5%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.5	1.9%	1.4	285	1.6	1,434	15.0	1.6	56.2%	11.1%
FPT	Công nghệ	53.6	-0.7%	0.8	1,581	4.2	4,349	12.3	2.7	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	47.0	0.0%	0.4	508	0.0	3,778	12.4	3.1	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	105.2	2.1%	1.5	8,754	2.3	6,066	17.3	4.5	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	62.6	0.2%	1.5	3,187	1.5	3,271	19.1	3.7	13.2%	20.2%
PVS	Dầu khí	21.6	2.9%	1.7	449	4.7	2,351	9.2	0.8	24.0%	9.8%
BSR	Dầu khí	9.5	0.0%	0.8	1,281	0.5	1,163	8.2	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.4	-1.2%	0.5	537	0.1	4,602	20.5	4.1	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.7	-0.7%	0.7	232	0.2	853	16.0	0.7	19.8%	5.0%
DCM	Hóa chất	8.1	0.9%	0.7	187	0.1	894	9.1	0.7	2.5%	7.6%
VCB	Ngân hàng	80.0	4.0%	1.3	12,900	6.6	4,729	16.9	3.9	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	37.9	2.9%	1.5	5,626	4.4	2,107	18.0	2.4	3.2%	13.8%
CTG	Ngân hàng	20.8	0.7%	1.6	3,359	4.1	1,470	14.1	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	19.8	1.3%	1.2	2,110	1.8	2,989	6.6	1.3	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.5	1.6%	1.1	2,067	6.0	3,215	7.0	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	22.3	0.5%	1.1	1,572	2.7	3,438	6.5	1.5	34.0%	26.4%
BMP	Nhựa	50.8	-2.1%	0.9	181	0.3	5,040	10.1	1.7	76.8%	17.2%
NTP	Nhựa	38.3	-3.5%	0.4	149	0.1	4,490	8.5	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.6	3.8%	1.2	649	0.0	732	22.7	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.2	1.3%	1.0	2,785	4.8	2,898	8.0	1.5	38.2%	19.9%
HSG	Thép	6.8	2.6%	1.5	124	0.8	425	15.9	0.5	17.5%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	123.9	-0.4%	0.8	9,381	3.1	5,465	22.7	7.6	58.9%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	277.9	0.5%	0.8	7,748	0.1	6,735	41.3	10.2	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	77.0	1.0%	1.2	3,913	1.3	3,304	23.3	2.9	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.2	0.0%	0.5	370	0.7	542	29.9	1.5	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	81.8	-0.8%	0.8	7,743	0.2	2,630	31.1	5.8	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	130.9	0.7%	1.1	3,082	4.8	9,850	13.3	5.1	19.3%	43.3%
HVN	Vận tải	39.3	0.8%	1.7	2,423	0.6	1,747	22.5	3.1	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	28.7	-1.2%	0.8	370	1.3	1,888	15.2	1.4	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	18.3	0.0%	0.6	224	0.9	2,505	7.3	1.3	30.6%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	88.8	-1.1%	0.9	605	1.1	7,458	11.9	4.5	2.4%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.5	-0.3%	0.9	360	0.4	1,333	13.8	1.3	13.1%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.0	2.9%	0.8	265	0.3	1,657	9.6	1.1	6.3%	11.7%
CTD	Xây dựng	101.9	0.2%	0.7	338	0.1	13,465	7.6	1.0	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.6	1.1%	1.1	511	0.8	1,307	20.4	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	20.8	-0.2%	0.5	224	0.2	485	42.9	1.0	52.3%	2.4%
POW	Điện	13.3	2.7%	0.6	1,354	1.3	820	16.2	1.3	14.8%	7.8%
NT2	Điện	24.9	-0.6%	0.6	311	0.3	2,241	11.1	1.8	22.1%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	80.00	4.03	3.40	1.93MLN
VIC	122.40	1.16	1.38	252820.00
GAS	105.20	2.14	1.24	495360.00
BID	37.85	2.85	1.06	2.69MLN
VHM	87.30	0.69	0.59	548090.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.30	0.45	0.17	2.79MLN
PVS	21.60	2.86	0.15	5.03MLN
MBG	12.90	9.32	0.02	46300.00
VCG	26.60	1.14	0.02	738800.00
API	16.20	9.46	0.02	900.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	123.90	-0.40	-0.26	580860.00
FPT	53.60	-0.74	-0.08	1.81MLN
HNG	17.90	-1.10	-0.05	369830.00
IJC	14.65	-6.69	-0.04	2.58MLN
DHG	94.40	-1.15	-0.04	15570.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.10	-1.61	-0.12	5.23MLN
L14	75.00	-6.25	-0.06	250600.00
OCH	7.30	-7.59	-0.06	1300.00
NTP	38.30	-3.53	-0.04	35200.00
VCS	88.80	-1.11	-0.03	292100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TIX	29.85	6.99	0.02	30.00
JVC	2.76	6.98	0.01	182220.00
VSI	23.30	6.88	0.01	3090.00
RIC	5.49	6.81	0.00	220.00
PTC	6.30	6.78	0.00	10.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DST	1.00	11.1	0.00	101900.00
VTJ	4.40	10.0	0.00	100.00
SFN	22.30	9.9	0.00	100.00
BBS	7.90	9.7	0.00	400.00
PPY	13.80	9.5	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PIT	4.84	-6.92	0.00	250.00
PJT	12.10	-6.92	0.00	10.00
TMT	6.38	-6.86	-0.01	11140.00
DHM	4.08	-6.85	0.00	24210.00
GAB	15.00	-6.83	0.00	334230.00

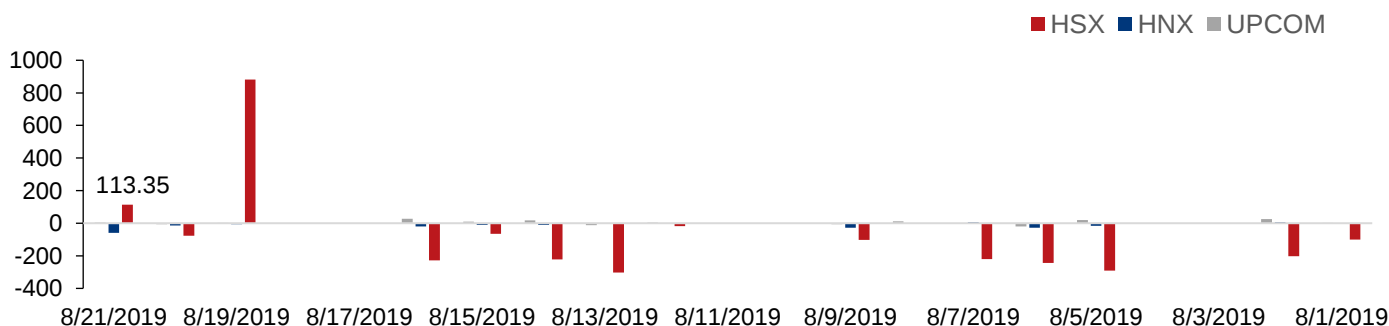
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.40	-20.00	0.00	500.00
VTI	26.50	-11.67	-0.01	100.00
SPI	0.80	-11.11	0.00	29100.00
VNT	35.30	-9.95	-0.01	700.00
CVN	10.90	-9.92	-0.01	38300.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phen hóa và biến	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồ	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
4	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
10	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ mô_Tháng 07_Phen hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M5_Phen hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	52.0	5,276	9.9	2.8	Click
2	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	28.8	4,234	6.8	1.0	Click
3	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	22.3	3,438	6.5	1.5	Click
4	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	18.2	3,181	5.7	1.6	Click
5	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.8	425	15.9	0.5	Click
6	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0		48.6	4,314	11.3	3.4	Click
7	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	77.0	3,304	23.3	2.9	Click
8	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	157.0	7,716	20.3	10.5	Click
9	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	28.7	1,888	15.2	1.4	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	120.3	7,893	15.2	5.1	Click
11	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	31.6	3,760	8.4	1.6	Click
12	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.9	1,433	5.5	0.5	Click
13	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	82.6	18,865	4.4	1.7	Click
14	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	22.3	1,295	17.2	1.7	Click
15	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	18.1	3,437	5.3	1.3	Click
16	LHG	Bất động sản	Mua	7/5/2019	18.6	25.5	18.1	2,655	6.8	0.8	Click
17	FPT	Phần mềm	Mua	3/5/2019	50.0	59.1	53.6	4,349	12.3	2.7	Click
18	DGW	Bán lẻ	Mua	8/4/2019	22.9	27.4	24.3	3,149	7.7	1.2	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	36.0	8,518	4.2	2.1	Click
20	GEX	Thiết bị điện	Mua	1/4/2019	23.0	30.2	20.1	2,251	8.9	1.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hòa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VSC 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 34000; Giá tại Publish 28600 Chúng tôi dự báo KQKD VSC 2019F với DT và LNST đạt lần lượt 1,695.8 tỷ đồng (+0.1% yoy) và 329.4 tỷ đồng (-7% yoy), tương đương EPS FW là 4,561 VND/CP. Biên lợi nhuận gộp VSC giảm nguyên nhân do việc thuê ngoài cảng PTSC và Nam Đình Vũ để bốc xếp tàu hàng bị trùng lịch với cảng Vip Green - Green Port khiến chi phí dịch vụ thuê ngoài tăng. Chúng tôi cho rằng VSC hiện đang gặp trục trặc trong việc quản lý cảng khiến cho các chi phí tăng mạnh, bên cạnh đó sản lượng hàng hóa thông cảng của Green Port -29% yoy và VIP Green Port là +8% yoy trong 1H2019. Tuy nhiên, chúng tôi kì vọng hoạt động kinh doanh khai thác cảng sẽ ổn định trở lại trong 2H2019-2020.
Express GMD 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 33350; Giá tại Publish 27000 BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTPL). Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019. Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.
Express VNM 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 138500; Giá tại Publish 120600 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp, PE FW là 21x và PB fw là 6.9x. SCIC thoái vốn khỏi VNM trong 2020. VNM ra mắt nhiều sản phẩm mới đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng qua đó giúp tăng trưởng doanh thu. Tăng trưởng thị phần nội địa nhờ mở rộng điểm bán tăng độ bao phủ, chiến dịch marketing và khuyến mãi tốt giúp tăng nhận diện thương hiệu. Tuy nhiên, sữa nội địa bị cạnh tranh nhiều nếu các hãng sữa nước ngoài vào Việt Nam thông qua các hiệp định thương mại EVFTA.
Express MSN 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 82300; Giá tại Publish 75000 BSC dự báo KQKD MSN Doanh thu và LNST 2019F lần lượt đạt 42,215 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 5,239 tỷ đồng (-6.8% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 22%, EPS FW 2019F đạt 4,302 VND/CP, PE FW = 17.4x và PB FW = 2.4x. Giá thị trường phục hồi trở lại sau đợt dịch AFS trong 2H2019. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành hàng tiêu dùng của Masan Consumer đang chậm hơn kỳ vọng. Thức ăn chăn nuôi dành cho heo tiếp tục giảm trong 6M2019 do ảnh hưởng của dịch AFS. Giá vonfram duy trì ở mức thấp khoảng 250-260 USD/MTU ảnh hưởng tới KQKD mảng Masan Resources.
Express PNJ 2019Q3	12/8/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 93400; Giá tại Publish 76300 BSC dự báo KQKD 2019 với doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 16,180 tỷ đồng (+10.2% yoy) và 1,193 tỷ đồng (+24% yoy), EPS cốt lõi FW 2019 = 5,089 đồng/cp, PE FW 2019 = 15.1 lần dựa trên các giả định (1) Biên lợi nhuận gộp năm 2019 ước đạt 21.6%, (2) SSSG cửa chuỗi vàng trang sức năm 2019 và 2020 lần lượt là 5% và 12% và (3) Số lượng cửa hàng mở mới dự kiến trong năm 2019 là 40 cửa hàng.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

